

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày 31-8-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đình Thông

- *Các thẩm phán:* Bà Trịnh Thị Thiện

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thuý Hạnh- Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- *Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 do có kháng cáo của bị đơn anh Hà Xuân H đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX-PT ngày 28/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2020/HNGĐPT ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị M; có mặt

2. Bị đơn: Anh Hà Xuân H; có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hà Học H, vắng mặt

+ Bà Đặng Thị H; vắng mặt

Đều trú tại: Thôn Tiến Thịnh, xã A, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày: Chị và anh Hà Xuân H đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã S (nay là xã A), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh H thường xuyên rượu chè, cờ bạc và đánh đập ngược đãi chị. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Hà Xuân H.

Bị đơn anh Hà Xuân H trình bày thống nhất với nguyên đơn về thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân, tuy nhiên theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị M nên yêu cầu được đoàn tụ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng trình bày thống nhất có ba con chung: Hà Thị A, sinh năm 1992; Hà Xuân S, sinh năm 1994 và Hà N, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Vợ chồng trình bày có khối tài sản chung thống nhất là nhà và các đồ dùng sinh hoạt, tổng trị giá tài sản theo kết luận của hội đồng định giá là **235.884.592 đồng**.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H - bà Đào Thái Bình trình bày:

Ngày 28/5/2015, chị Phan Thị M đứng tên vay vốn xây chòi phòng tránh lũ lụt – Dài hạn - TW, người thừa kế là anh Hà Xuân H. Mã khách hàng: 7065515892; số tiền vay 15.000.000 đồng; lãi suất 0,25%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn: 0,325%/ tháng. Thời hạn trả tiền gốc đến ngày 11/5/2025.

Tính đến ngày 13/5/2020 chị Phan Thị M và anh Hà Xuân H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H với tổng số tiền: 17.252.000 đồng (trong đó: Tiền gốc 15.000. 000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/5/2015 đến ngày 13/5/2020 chưa trả là 2.252.000 đồng).

Đại diện Ngân hàng đề nghị chị Phan Thị M và anh Hà Xuân H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và phải chịu mức lãi suất theo quy định hai bên đã ký kết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hà Học H và bà Đặng Thị H trình bày:* Ông H, bà Hồng có diện tích đất là 1401,2m² (trong đó có 300 m² đất ở và 1101,2 m² đất vườn) và các loại cây cối có trên đất thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ 25, địa chỉ: Thôn Tiến Thịnh, xã S (nay là xã A), huyện H đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số: CC 512370, ngày 14/9/2015 mang tên ông Hà Học H và đồng sử dụng bà Đặng Thị H mà chị Phan Thị M và anh Hà Xuân H (là con trai và con dâu) hiện đang xây dựng các công trình trên đất thuộc quyền sử dụng của ông H, bà Hồng. ông, bà chưa làm thủ tục tặng cho chị M, anh H nên hiện tại nếu chị M, anh H ly hôn nhau thì ông H, bà Hồng sẽ lấy lại thửa đất đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M, anh H thống nhất trả lại diện tích đất này cho ông H, bà H và không yêu cầu tính công sức tôn tạo thửa đất.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29; Điều 33, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm 1.1; điểm b mục 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Hà Xuân H.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn của chị Phan Thị M.

Giao cho Chị Phan Thị M được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

1. 01 ngôi nhà khung gỗ nhóm 4, 03 gian (02 gian đủ, 01 gian gác tường) chiều cao cột, 3,6m, mái lợp ngói đỏ 22 viên/m²; nhà được xây bao móng đá, tường xây gạch đặc 110; hộc cao 2,8 m; nền lát gạch men; tường sơn màu; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ nhóm 4, hệ thống điện đầy đủ; nhà có chiều rộng 9,6m; chiều dài 10,0 m, trị giá 101.110.700đồng.

2. 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – VISION đã qua sử dụng, biên kiểm soát 38H1 105.01 đăng ký mang tên Phan Thị M, trị giá 9.500.000 đồng.

3. 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ De, trị giá 1.200.000 đồng.

4. 01 giường ngủ bằng gỗ Pơ Mu, trị giá 800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Phan Thị M được giao sử dụng với tổng số tiền: 112.610.700 đồng.

**Giao cho Anh Hà Xuân H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau:*

1. 01 ngôi nhà ngang 02 tầng, khung kết hợp tường chịu lực; tường xây gạch táp lô 110; nền lát gạch men; hệ thống cửa bằng gỗ nhóm 5; tường trát vữa; ốp gạch men; hộc cao 2,8 m; mái lợp ngói đỏ 22 viên/ m²; tầng hai không đồ sàn; nhà có chiều rộng 5, 0 m; chiều dài 6,0 m, trị giá 86.419.125 đồng.

2. 01 bếp nấu có chiều dài 2,6 m; chiều rộng 2,5 m; xây bằng gạch táp lô, trị giá 3.178.968 đồng.

3. 01 nhà vệ sinh; móng đá; tường xây gạch táp lô 110; cửa nhôm kính; nền lát gạch men; mép trong ốp gạch, đồ sàn mái, có hệ thống điện, có bể tự hoại, trị giá 6.435.135 đồng.

4. 01 bể nước thành xây gạch đặc 150; trát vữa xi măng, không vôi ve, không có nắp đậy, cao 1,2 m, dài 3,2 m, trị giá 3.028.481 đồng.

5. 01 mái che khung, cột bằng thép, lợp tôn màu; chiều dài 10,0 m; chiều rộng 4,3 m, trị giá 7.207.230 đồng.

6. Sân lát vữa xi măng; chiều dài 10,0 m; chiều rộng 4,3 m; ngõ lát vữa xi măng; chiều dài 11,0 m; chiều rộng 3,0 m, *trị giá 3.777.390 đồng.*

7. 01 chuồng gà xây gạch tấp lô, lợp Pờ rô xi măng; chiều rộng 1,3 m; chiều dài 1,1 m, trị giá 285.285 đồng.

8. 01 bếp nấu xây gạch tấp lô, lợp Pờ rô xi măng; chiều dài 1,9 m; chiều rộng 2,47 m; bờ tường cạnh bể nước xây gạch tấp lô 110, trát vữa xi măng, không vôi ve trị giá 1. 548.228 đồng.

9. 01 nhà chái (nhà trước cổng), cột bằng bê tông cốt thép và ống thép, lợp Pờ rô xi măng; chiều dài 6,9; chiều rộng 3,6 m, trị giá 1.894.050 đồng.

10. 01 bộ bàn ghế Sa lông bằng gỗ đôi gồm 01 bàn, 03 ghế lĩa và 01 ghế dài, trị giá 700.000 đồng.

11. 01 giường ngủ bằng gỗ Đôi, trị giá 900.000 đồng.

12. 01 giường ngủ bằng gỗ Lim, trị giá 300.000 đồng.

13. 01 tủ ly bằng gỗ Đôi, trị giá 500.000 đồng.

14. 01 máy giặt nhãn hiệu Parasonic, trị giá 500.000 đồng.

15. 01 xe máy nhãn hiệu Drem Việt đã qua sử dụng, biển kiểm soát 38H9 đăng ký mang tên Hà Xuân H, trị giá 4.500.000 đồng.

16. 01 Ty vi nhãn hiệu GL 32inch cũ, trị giá 300.000 đồng.

17. 01 tủ lạnh nhãn hiệu Alask, trị giá 700.000 đồng.

18. 01 giếng khoan sâu 30 m + máy bơm, trị giá 600.000 đồng.

19. 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu SHI, trị giá 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Hà Xuân H được được giao sử dụng với tổng số tiền: 123.273.892 đồng.

* Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị M không yêu cầu anh Hà Xuân H phải hoàn lại số tiền tính trên kỷ phần giá trị tài sản chênh lệch cho chị M: Anh Hà Xuân H không phải hoàn lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho chị Phan Thị M.

3. Về nợ chung: Buộc chị Phan Thị M và anh Hà Xuân H mỗi người phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay theo Hợp đồng đã kết với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Hương Sơn ngày 28/5/2015 theo kỷ phần: Chị Phan Thị M phải trả tổng số tiền: 8.626.000 đồng (Trong đó: Số tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 1.126.000 đồng). Anh Hà Xuân H phải trả tổng số tiền: 8.626.000 đồng (Trong đó: Số tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 1.126.000 đồng) và lãi suất phát sinh theo cam kết tại hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Phan Thị M, anh Hà Xuân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Phan Thị M và anh Hà Xuân H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Chấp sự tự nguyện của chị Phan Thị M và anh Hà Xuân Hà: Trả lại cho ông Hà Học H và bà Đặng Thị H thửa đất số: 479, tờ bản đồ số 25; địa chỉ thửa đất: Thôn Tiến Thịnh, xã S (nay là xã A) huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 1401,2 m²; trong đó có 300 m² đất ở và 1101,2 m² đất vườn và các loại cây cối hiện có trên thửa đất và không yêu cầu tính công sức đóng góp, làm tôn tạo nâng giá trị thửa đất từ thời điểm chị M, anh H được ông H, bà Hồng cho mượn đất để ở cho đến thời điểm hiện tại chị M, anh H yêu cầu ly hôn anh Phan Xuân Hòa.

- Buộc chị Phan Thị M phải di dời 01 ngôi nhà khung gỗ nhóm 4, 03 gian (02 gian đủ, 01 gian gác tường) chiều cao cột, 3,6m, mái lợp ngói đỏ 22 viên/m²; nhà được xây bao móng đá, tường xây gạch đặc 110; hộc cao 2,8 m; nền lát gạch men; tường sơn màu; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ nhóm 4, hệ thống điện đầy đủ; nhà có chiều rộng 9,6m, chiều dài 10,0 m và các tài sản được giao quyền sử dụng để trả lại phần diện tích thuộc thửa đất số: 479, tờ bản đồ số 25; địa chỉ thửa đất: Thôn Tiến Thịnh, xã S (nay là xã A) huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Hà Học H và bà Đặng Thị H.

- Buộc anh Hà Xuân H phải trả số tiền tương ứng với diện tích đất ở 151,24m² hiện đang tồn tại các tài sản đã được xây dựng kiên cố mà anh Hà Xuân H được giao quyền sử dụng trên tổng diện tích 153,37m² của thửa đất số: 479, tờ bản đồ 25, địa chỉ: Thôn Tiến Thịnh, xã S (nay là xã A), huyện H đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số: CC 512370, ngày 14/9/2015 mang tên ông Hà Học H và đồng sử dụng bà Đặng Thị H mà ông H, bà Hồng đã cho chị M, anh H (con trai và con dâu) mượn đất để ở với tổng số tiền 19.661.200 đồng cho ông Hà Học H và bà Đặng Thị H.

Ngoài ra, án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 05/6/2020, bị đơn anh Hà Xuân H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu định giá lại toàn bộ tài sản chung theo giá thị trường và phân chia lại tài sản chung, yêu cầu được chia ngôi nhà gỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất: Anh Hà Xuân H rút phần kháng cáo về yêu cầu định giá lại tài sản, chuyển tài sản đã được cấp sơ thẩm giao cho chị Phan Thị M là ngôi nhà gỗ nhóm 4, 03 gian trị giá 101. 110.700 đồng cho anh Hà Xuân H được quyền quản lý, sử dụng. Anh Hà Xuân H phải giao lại cho chị Phan Thị M 100.000.000đ trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của Bản án sơ thẩm đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu rút phần kháng cáo về định giá lại tài sản, chấp nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về phần tài sản chung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên sự vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì phạm vi giải quyết tại cấp phúc thẩm chỉ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng anh H, chị M, mặt khác đây là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo anh Hà Xuân H rút phần kháng cáo về yêu cầu định giá lại tài sản. Việc rút một phần nội dung kháng cáo này của anh Hà là tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận. HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu định giá lại tài sản chung của anh Hà Xuân H và chị Phan Thị M.

[2.2] Về phân chia tài sản chung: Anh Hà Xuân H và chị Phan Thị M đã thỏa thuận thống nhất: Chuyển tài sản đã được cấp sơ thẩm giao cho chị Phan Thị M là ngôi nhà gỗ nhóm 4, 03 gian (02 gian đủ, 01 gian gác tường) chiều cao cột, 3,6m, mái lợp ngói đỏ 22 viên/m²; nhà được xây bao móng đá, tường xây gạch đặc 110; hộc cao 2,8 m; nền lát gạch men; tường sơn màu; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ nhóm 4, hệ thống điện đầy đủ; nhà có chiều rộng 9,6m; chiều dài 10 m, trị giá 101. 110.700 đồng cho anh Hà Xuân H được quyền quản lý, sử dụng. Anh Hà Xuân H phải giao lại cho chị Phan Thị M 100.000.000đ trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ quy định tại

Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh Hà Xuân H và chị Phan Thị M.

Về án phí: Các bên chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289, Điều 300, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận việc rút phần kháng cáo định giá lại tài sản của anh Hà Xuân H. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 148, Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 357 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 29, điểm 1.1; điểm b mục 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu định giá lại tài sản của anh Hà Xuân H.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Xuân H và chị Phan Thị M về phân chia tài sản chung như sau:

Giao cho anh Hà Xuân H được quyền sở hữu, sử dụng các loại tài sản sau:

1. 01 ngôi nhà khung gỗ nhóm 4, 03 gian (02 gian đủ, 01 gian gác tường) chiều cao cột, 3,6m, mái lợp ngói đỏ 22 viên/m²; nhà được xây bao móng đá, tường xây gạch đặc 110; hộc cao 2,8 m; nền lát gạch men; tường sơn màu; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ nhóm 4, hệ thống điện đầy đủ; nhà có chiều rộng 9,6m; chiều dài 10,0 m, trị giá 101. 110.700 đồng.

2. 01 ngôi nhà ngang 02 tầng, khung kết hợp tường chịu lực; tường xây gạch táp lô 110; nền lát gạch men; hệ thống cửa bằng gỗ nhóm 5; tường trát vữa; ốp gạch men; hộc cao 2,8 m; mái lợp ngói đỏ 22 viên/ m²; tầng hai không đổ sàn; nhà có chiều rộng 5, 0 m; chiều dài 6,0 m, trị giá 86.419.125 đồng.

3. 01 bếp nấu có chiều dài 2,6 m; chiều rộng 2,5 m; xây bằng gạch táp lô, trị giá 3.178.968 đồng.

4. 01 nhà vệ sinh; móng đá; tường xây gạch táp lô 110; cửa nhôm kính; nền lát gạch men; mép trong ốp gạch, đổ sàn mái, có hệ thống điện, có bể tự hoại, trị giá 6.435.135 đồng.

5. 01 bể nước thành xây gạch đặc 150; trát vữa xi măng, không vôi ve, không có nắp đậy, cao 1,2 m, dài 3,2 m, trị giá 3.028.481 đồng.

6. 01 mái che khung, cột bằng thép, lợp tôn màu; chiều dài 10,0 m; chiều rộng 4,3 m, trị giá 7.207.230 đồng.

7. Sân lát vỉa xi măng; chiều dài 10,0 m; chiều rộng 4,3 m; ngõ lát vỉa xi măng; chiều dài 11,0 m; chiều rộng 3,0 m, trị giá 3.777.390 đồng.

8. 01 chuồng gà xây gạch táp lô, lợp Pờ rô xi măng; chiều rộng 1,3 m; chiều dài 1,1 m, trị giá 285.285 đồng.

9. 01 bếp nấu xây gạch táp lô, lợp Pờ rô xi măng; chiều dài 1,9 m; chiều rộng 2,47 m; bờ tường cạnh bể nước xây gạch táp lô 110, trát vỉa xi măng, không vôi ve trị giá 1.548.228 đồng.

10. 01 nhà chái (nhà trước cổng), cột bằng bê tông cốt thép và ống thép, lợp Pờ rô xi măng; chiều dài 6,9; chiều rộng 3,6 m, trị giá 1.894.050 đồng.

11. 01 bộ bàn ghế Sa lông bằng gỗ đôi gồm 01 bàn, 03 ghế lĩa và 01 ghế dài, trị giá 700.000 đồng.

12. 01 giường ngủ bằng gỗ Đôi, trị giá 900.000 đồng.

13. 01 giường ngủ bằng gỗ Lim, trị giá 300.000 đồng.

14. 01 tủ ly bằng gỗ Đôi, trị giá 500.000 đồng.

15. 01 máy giặt nhãn hiệu Parasonic, trị giá 500.000 đồng.

16. 01 xe máy nhãn hiệu Drem Việt đã qua sử dụng, biển kiểm soát 38H9 đăng ký mang tên Hà Xuân H, trị giá 4.500.000 đồng.

17. 01 Ty vi nhãn hiệu GL 32inch cũ, trị giá 300.000 đồng.

18. 01 tủ lạnh nhãn hiệu Alask, trị giá 700.000 đồng.

19. 01 giếng khoan sâu 30 m + máy bơm, trị giá 600.000 đồng.

20. 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu SHI, trị giá 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản tính thành tiền là 233.438.592đ nhưng anh Hà Xuân H phải giao lại cho chị Phan Thị M 100.000.000đ trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm. Như vậy, giá trị tài sản anh còn được hưởng là 133.438.592đ.

Chị Phan Thị M được sở hữu, sử dụng các loại tài sản:

1. 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – VISION đã qua sử dụng, biển kiểm soát 38H1 105.01 đăng ký mang tên Phan Thị M, trị giá 9.500.000 đồng.

2. 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ De, trị giá 1.200.000 đồng.

3. 01 giường ngủ bằng gỗ Pơ Mu, trị giá 800.000 đồng.

và 100.000.000đ từ anh Hà Xuân H đưa lại.

Tổng giá trị tài sản tính thành tiền chị M được sở hữu 111.500.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải nộp cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 5.575.000đ án phí chia tài sản chung; 431.300đ án phí về nợ chung. Tổng số tiền án phí chị M phải chịu là 6.306.300đ. Khấu trừ số tiền tạm ứng 10.300.000đ chị đã nộp tại biên lai số 0004669 và 0004670 ngày 23/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, chị còn được nhận lại 3.993.700đ

Anh Hà Xuân H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm, 6.671.930đ án phí chia tài sản chung và 431.300đ án phí nợ chung. Tổng số tiền án phí anh H phải chịu là 7.403.230đ. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ anh H đã nộp tại biên lai số 0004792 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, anh còn phải nộp 7.103.230đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông

